TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2026.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Quang.

2. Ông Nguyễn Vân Trường.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên toà*: Bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 474/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2025, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Ngọc G - sinh năm 1988, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã V, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T - sinh năm 1990, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2025, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Bùi Ngọc G như sau:

Bà và ông Phạm Văn T cưới nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng ông bà đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 07/12/2020.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng bà thường xuyên tụ tập chơi đá gà bà khuyên nhiều lần mà ông T không thay đổi, vợ chồng không còn tiếng nói chung nên không thể hòa hợp được.

Từ tháng 8 năm 2025 đến nay vợ chồng ông bà đã sống ly thân. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình cảm với ông Phạm Văn T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn T.

Thời gian chung sống vợ chồng ông bà không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Phạm Văn T không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Phạm Văn T.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do là không tuân thủ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụg dân sự xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Bùi Ngọc G được ly hôn với ông Phạm Văn T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Bùi Ngọc G và ông Phạm Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Bà Bùi Ngọc Giàu C đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà Bùi Ngọc G không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử cũng như nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Bùi Ngọc G.

Ông Phạm Văn T là bị đơn trong vụ án, ông Phạm Văn T có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay ông Phạm Văn T vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phạm Văn T.

[2] Về hôn nhân: Bà Bùi Ngọc G và ông Phạm Văn T cưới nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 101/2020, ngày 07/12/2020, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Bùi Ngọc G và ông Phạm Văn T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà Bùi Ngọc G và ông Phạm Văn T là hôn nhân tự nguyện, ông bà sống hạnh phúc khoảng 09 năm nhưng trong quá trình sống chung ông bà đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà Bùi Ngọc G cho rằng chồng bà thường xuyên tụ tập chơi đá gà bà khuyên nhiều lần mà ông T không thay đổi, vợ chồng không còn tiếng nói chung nên không thể hòa hợp được. Từ tháng 8 năm 2025 đến nay vợ chồng ông bà đã sống ly thân. Ngày 29/12/2025 và ngày 16/01/2029, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Phạm Văn T vắng mặt. Xét thấy, vợ chồng ông bà đã ly thân tính đến ngày xét xử khoảng 06 tháng, trong thời gian ly thân bà Bùi Ngọc G và ông Phạm Văn T vẫn còn liên lạc với nhau, khi Tòa án mời ông Phạm Văn T đến Tòa án để hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ thì ông Phạm Văn T không có mặt cho thấy ông không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Bà Bùi Ngọc G cương quyết xin ly hôn với ông Phạm Văn T và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Phạm Văn T, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Ngọc G.

[4] Về con chung: Bà Bùi Ngọc G và ông Phạm Văn T không có con chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Ngọc G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Tại phiên tòa sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Bùi Ngọc G phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010565, ngày 01/12/2025, của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Ngọc G.

Về hôn nhân: Xử cho bà Bùi Ngọc G ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Bùi Ngọc G phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0010565, ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND cùng cấp;
-THADS;
-Các đương sự;
-UBND xã Vĩnh Tuy;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang